

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

[1] Tên học phần: Pháp luật đại cương

Tên tiếng Anh: General law

Mã học phần: []

[2] Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức chuyên nghiệp		
	Cơ sở của ngành	Chuyên ngành	Bổ trợ và nâng cao (tự chọn)
x			

[3] Đối tượng sinh viên: (trình độ/ngành/năm học/học kỳ)

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Ngành học: Giáo dục Mầm non

+ Năm học: 1

[4] Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết trên lớp (15 tiết/tín chỉ):-----18 tiết

+ Bài tập trên lớp (15 tiết/tín chỉ):-----6 (12) tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: -----6 (18) tiết

[5] Yêu cầu của học phần về phòng học, trang thiết bị cần thiết để giảng dạy:

+ Phòng học: Phòng học lý thuyết

+ Phòng thi: Phòng thi lý thuyết

+ Tổ chức thi: Phòng Đào tạo tổ chức Khoa tổ chức

+ Trang thiết bị cần thiết: Máy chiếu + bảng phấn

+ Yêu cầu đặc biệt khác: Không

[6] Các học phần liên quan (nếu có):

+ Học phần tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản của CN M-L 1

+ Học phần song hành: Những Nguyên lý cơ bản của CN M-L 2

+ Học phần kế tiếp: Không

2. Thông tin về đơn vị phụ trách chuyên môn, giảng viên giảng dạy

[1] Khoa/Phòng: Giáo dục chính trị

Tổ bộ môn:

[2] Giảng viên biên soạn đề cương:

+ Họ và tên: Nguyễn Xuân Trình

+ Học hàm - Học vị: Thạc sĩ

+ Địa chỉ cơ quan: 182 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM

+ Điện thoại liên hệ: 0909.555.944

+ Hộp thư điện tử (email): mr.nguyensexuantrinh@gmail.com

[3] Giảng viên biên giảng dạy:

+ Họ và tên: Nguyễn Xuân Trình

+ Học hàm - Học vị: Thạc sĩ

+ Địa chỉ cơ quan: 182 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM

+ Điện thoại liên hệ: 0909.555.944

+ Hộp thư điện tử (email): mr.nguyensexuantrinh@gmail.com

[4] Cách liên lạc với giảng viên: 0909.555.944

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Trang bị cho sinh viên những lý thuyết chung về khái niệm cơ bản của khoa học Pháp lý về Nhà nước và Pháp luật. Với kiến thức Pháp luật đại cương, bước đầu giúp sinh viên biết điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với pháp luật.
- Thông qua những kiến thức giúp sinh viên nắm được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hóa các văn bản quy phạm Pháp luật mà Nhà nước Việt Nam ban hành, phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm Pháp luật, các thức áp dụng một văn bản Pháp luật vào cuộc sống.
- Thông qua việc học tập, nghiên cứu các vấn đề chung về Nhà nước và Pháp luật giúp sinh viên nâng cao sự hiểu biết về vai trò, sự quan trọng của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống, từ đó luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh Pháp luật, qua đó giúp người học có ý thức, bổn phận, nghĩa vụ của công dân đối với quốc gia.
- Nâng cao ý thức pháp luật để biết cách sống và làm việc theo pháp luật cũng như biết cách bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của bản thân.

4. Mục tiêu và kết quả dự kiến của học phần

Mục tiêu của học phần:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước & pháp luật.

- Tìm hiểu một số luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về Pháp luật, từ đó xây dựng thái độ thượng tôn pháp luật và hành động tuân theo luật.

5. Giáo trình

- 1) Pháp luật đại cương, Nxb. Giáo dục, Hà Nội 2009
- 2) Giáo trình pháp luật đại cương, NXB Đại Học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2019

6. Phương thức đánh giá học phần

[1] Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với học phần;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra và bài thi kết thúc học phần;
- Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất học phần, sinh viên phải “đạt”:

- Điểm tổng kết học phần $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá học phần theo trọng số (%) của các điểm thành phần như sau:
 - + Điểm quá trình: Chiếm (40)% (a)
 - + Điểm thi cuối kỳ: Chiếm (60)% (b)
 - + Điểm tổng kết học phần: $(a) + (b) = 100\%$
- Xếp loại đánh giá của học phần: Theo thang điểm 10,0

Xếp loại	Thang điểm 10,0	Mức độ đáp ứng so với CĐR học phần
Đạt yêu cầu tích lũy		<i>Đạt CĐR học phần theo cấp độ</i>
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	
Không đạt yêu cầu		<i>Chưa đạt CĐR học phần, phải học lại</i>
Yếu	Từ 3,0 đến cận 5,0	
Kém	Từ 0,0 đến cận 3,0	

[3] Hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm của các bài thi:

- Bài kiểm tra giữa kỳ số 1
 - + Hình thức kiểm tra: Tự luận
 - + Thời lượng: 60 phút
- Bài kiểm tra giữa kỳ số 2
 - + Hình thức kiểm tra: trắc nghiệm
 - + Thời lượng: 60 phút

Nội dung học phần	Câu hỏi/Nội dung đánh giá	Mức độ đạt của nội dung đánh giá			Điểm
		Bài tập cơ sở	Bài tập vận dụng	Bài tập nâng cao	
		Câu hỏi	Câu hỏi	Câu hỏi	
Bài 1	Một số vấn đề cơ bản về nhà nước				20%
Bài 2	Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam				20%
Bài 3	Bộ máy nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa				20%
Bài 4	Các khái niệm cơ bản về pháp luật				20%
Bài 5	quy phạm pháp luật văn bản quy phạm pháp luật				20%
Tổng					100%

- Bài thi cuối kỳ
 - + Hình thức thi cuối kỳ: Trắc nghiệm (50 câu)
 - + Thời lượng: 60 phút

Nội dung học phần	Câu hỏi/Nội dung đánh giá	Mức độ đạt của nội dung đánh giá			Điểm
		Bài tập cơ sở	Bài tập vận dụng	Bài tập nâng cao	
		Câu hỏi	Câu hỏi	Câu hỏi	
	Hệ thống ngân hàng câu hỏi				100%
Tổng					100%

[4] Tiêu chí đánh giá/chấm điểm cụ thể:

Tiêu chí chấm điểm đối với phần bài tập nhóm, bài tập về nhà:

- + Giải bài tập theo nhóm phân câu hỏi mà nhóm phụ trách (*thường nằm trong một chương*);

- + Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá phần bài tập nhóm theo trọng số của các điểm thành phần như sau:
 - Giải bài tập đáp ứng được yêu cầu của phần nội dung chi tiết:50%
 - Giải đáp thắc mắc của nhóm khác:25%
 - Nộp bài đúng hạn, tính sáng tạo:25%

7. Nội dung học phần (đề cương chi tiết của học phần)

Bài 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

Mục tiêu:

- Sinh viên hiểu rõ sự hình thành Nhà nước trong xã hội và bản chất của nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Những đặc trưng cơ bản của Nhà nước.
- Phân biệt được các kiểu Nhà nước trong lịch sử phát triển xã hội.
- Phân biệt và xác định được các hình thức Nhà nước trong lịch sử cũng như hiện nay trên thế giới.

1. Nguồn gốc và bản chất của Nhà nước

1.1 Nguồn gốc Nhà nước

1.2 Bản chất của Nhà nước

2. Đặc trưng của Nhà nước

- Nhà nước thiết lập một quyền lực công để quản lý xã hội
- Nhà nước có lãnh thổ và phân chia, quản lý dân cư theo đơn vị hành chính lãnh thổ.
- Nhà nước có chủ quyền quốc gia.
- Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.
- Nhà nước có quyền quy định và thực hiện việc thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc, với số lượng và thời hạn ấn định trước.

3. Kiểu Nhà nước

4. Hình thức Nhà nước

4.1 Hình thức chính thể

- Chính thể quân chủ
 - + Chính thể quân chủ tuyệt đối
 - + Chính thể quân chủ tương đối
- Chính thể cộng hoà

4.2 Hình thức cấu trúc Nhà nước

- Nhà nước đơn nhất
- Nhà nước liên bang

4.3 Chế độ chính trị

- Chế độ chính trị dân chủ

- Chế độ chính trị phản dân chủ

Bài 2:

NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mục tiêu:

- Sinh viên hiểu được bản chất Nhà nước ta hiện nay có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn
 - Phân biệt được khái niệm chức năng Nhà nước với nhiệm vụ của Nhà nước.
 - Chức năng cơ bản của Nhà nước Việt Nam hiện nay.
 - Hình thức Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Nhà nước Việt Nam dưới góc độ hình thức chính thể, hình thức cấu trúc và chế độ chính trị
- 1. Sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**
 - 2. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**
 - 3. Chức năng của Nhà nước**
 - Chức năng đối nội
 - Chức năng đối ngoại
 - 4. Hình thức Nhà nước Cộng hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**
 - Hình thức Nhà nước Việt Nam dưới góc độ hình thức chính thể
 - Hình thức Nhà nước Việt Nam dưới góc độ hình thức cấu trúc Nhà nước
 - Hình thức Nhà nước Việt Nam dưới góc độ chế độ chính trị

Bài 3: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Mục tiêu:

- Sinh viên phân biệt được khái niệm Bộ máy Nhà nước với khái niệm Nhà nước.
 - Hiểu được nguyên tắc tổ chức và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam.
 - Địa vị pháp lý của mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam.
- 1. Khái niệm Bộ máy nhà nước Việt Nam.**
 - 2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
 - Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng
 - Nguyên tắc tập trung, dân chủ theo phương châm: “ dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.
 - Tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.
 - Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.
 - Nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc.
 - 3. Địa vị pháp lý của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam**

- 3.1 Chủ tịch nước
- 3.2 Hệ thống cơ quan quyền lực Nhà nước
 - Quốc hội
 - Hội đồng nhân dân các cấp
 - Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bài 4: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

Mục tiêu:

Sau khi học bài này sinh viên phải hiểu được:

- Các khái niệm cơ bản về Pháp luật.
- Nguồn gốc hình thành Pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin.
- Bản chất và đặc điểm của Pháp luật.
- Mối quan hệ gắn liền giữa Pháp luật và Nhà nước.
- Các kiểu Pháp luật trong xã hội và các hình thức Pháp luật đang được áp dụng hiện nay.

1. Nguồn gốc, bản chất và vai trò của pháp luật

1.1 Nguồn gốc của pháp luật

- Thuyết thần học
- Thuyết tư sản
- Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

1.2 Bản chất của pháp luật

- Tính giai cấp của pháp luật
- Tính xã hội của pháp luật

1.3 Vai trò của pháp luật

Thảo luận: Vai trò của pháp luật ở nước ta hiện nay

2. Đặc tính của pháp luật

- Tính quy phạm phổ biến
- Pháp luật có tính bắt buộc chung và được đảm bảo thực hiện bằng bộ máy nhà nước
- Tính tổng quát
- Tính hệ thống (pháp luật xác định chặt chẽ về mặt hình thức)
- Tính ổn định

3. Kiểu pháp luật

Trong lịch sử tồn tại 4 kiểu pháp luật tương ứng với 4 hình thái kinh tế - xã hội

4. Hình thức Pháp luật

Là hình thức biểu hiện pháp luật ra bên ngoài xã hội.

Ba hình thức pháp luật chính:

- Tập quán pháp

- Tiền lệ pháp
- Văn bản quy phạm pháp luật

Bài 5: QUY PHẠM PHÁP LUẬT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, sinh viên sẽ nắm 4 ý cơ bản sau:

- Hiểu rõ các khái niệm và đặc điểm: Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật.
- Biết phân tích các bộ phận cấu thành quy phạm pháp luật sau khi đọc một quy phạm pháp luật.
- Hiểu và xác định được vị trí thứ bậc của từng loại văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.
- Phân biệt được các loại văn bản quy phạm pháp luật.

1. Quy phạm pháp luật

2.1. Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật

2.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật

- Giả định
- Quy định
 - + Quy định mệnh lệnh
 - + Quy định tùy nghi
 - + Quy định giao quyền
- Chế tài:
 - + Chế tài hành chính
 - + Chế tài dân sự
 - + Chế tài hình sự
 - + Chế tài kỷ luật

2. Văn bản quy phạm pháp luật

2.1 Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật

- Khái niệm
- Đặc điểm:
 - + Do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - + Nội dung văn bản chứa đựng những quy tắc xử sự chung bắt buộc
 - + Được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội
 - + Văn bản quy phạm pháp luật có tên gọi, nội dung, và trình tự ban hành được quy định cụ thể bằng pháp luật.
 - + Đảm bảo thực hiện các quy phạm pháp luật bằng các hình thức thích hợp (tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế, bắt buộc)

2.2 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam

Bài 6: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Mục tiêu:

Học xong bài này các bạn nắm được 6 vấn đề cơ bản sau đây:

- Hiểu được khái niệm quan hệ pháp luật và các thành phần của một quan hệ pháp luật.
- Phân biệt được quan hệ pháp luật so với các quan hệ khác trong đời sống xã hội.
- Các bộ phận cấu thành quan hệ pháp luật, ý nghĩa của mỗi bộ phận trong quan hệ pháp luật.
- Phân biệt năng lực Pháp luật và năng lực hành vi.
- Phân biệt được sự khác biệt giữa tổ chức là pháp nhân với tổ chức không là pháp nhân.
- Những căn cứ làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một quan hệ pháp luật.

1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật

2. Thành phần của quan hệ pháp luật

1.1 Chủ thể quan hệ pháp luật

- Chủ thể là cá nhân

+ *Chủ thể là cá nhân*

* Chủ thể trực tiếp (Năng lực pháp luật+ năng lực hành vi)

* Chủ thể gián tiếp

+ *Chủ thể là tổ chức*: thoả mãn những điều do pháp luật quy định có thể thừa nhận là pháp nhân

Điều kiện:

* Được thành lập hợp pháp

* Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ

* Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.

* Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2.2 Khách thể của quan hệ pháp luật

2.3 Nội dung quan hệ pháp luật

- Quyền

- Nghĩa vụ pháp lý

3. Sự kiện pháp lý

- Khái niệm

- Phân loại:

+ Căn cứ vào hậu quả pháp lý của sự kiện pháp lý

* Sự kiện pháp lý giản đơn

* Sự kiện pháp lý phức tạp

+ Căn cứ vào ý chí của chủ thể

* Sự biến pháp lý

* Hành vi pháp lý

4. Ý nghĩa của việc xác định quan hệ pháp luật

(thảo luận)

Bài 7: VI PHẠM PHÁP LUẬT – TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

Mục tiêu:

- Xác định những hành vi được thực hiện trong xã hội, hành vi nào là hợp pháp, hành vi nào là vi phạm pháp luật.
- Biết phân loại các hành vi vi phạm pháp luật.
- Phân biệt các loại trách nhiệm phải chịu tương ứng với hành vi vi phạm pháp luật.
- Mọi quan hệ giữa trách nhiệm pháp lý và vi phạm pháp luật.
- Trách nhiệm của chủ thể khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

1. Vi phạm pháp luật

1.1 Khái niệm vi phạm pháp luật

1.2 Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật

- Vi phạm pháp luật phải thể hiện bằng một hành vi cụ thể của chủ thể
- Hành vi thể hiện là hành vi trái với quy định của pháp luật
- Hành vi có lỗi của chủ thể được thực hiện.
- Chủ thể của hành vi trái pháp luật phải có năng lực hành vi.

1.3 Các loại vi phạm pháp luật

- Vi phạm hình sự (tội phạm)
- Vi phạm hành chính
- Vi phạm dân sự
- Vi phạm kỷ luật nhà nước và công vụ

2. Trách nhiệm pháp lý

2.1 Khái niệm và đặc điểm trách nhiệm pháp lý

2.2 Các loại trách nhiệm pháp lý

- Trách nhiệm hình sự
- Trách nhiệm dân sự
- Trách nhiệm hành chính
- Trách nhiệm kỷ luật và công vụ

1.2 Mọi quan hệ giữa trách nhiệm pháp lý và vi phạm pháp luật

3. Các biện pháp đấu tranh phòng và chống vi phạm pháp luật

4. Làm thế nào để nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân ở nước ta.

Bài 8: KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Mục tiêu:

- Nội dung trình bày ở bài này giúp sinh viên hiểu:
- Khái niệm chung về hệ thống pháp luật
- Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay
- Các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật: quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật.
- Căn cứ xây dựng các ngành luật trong hệ thống pháp luật
- Nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

1. Khái niệm hệ thống pháp luật

- Khái niệm
- Các bộ phận cấu trúc bên trong hệ thống pháp luật
 - + Quy phạm pháp luật
 - + Chế định pháp luật
 - + Ngành luật
- Thể hiện bên ngoài của pháp luật:

Hệ thống văn bản pháp luật:

- + Văn bản luật
- + Văn bản dưới luật

2. Căn cứ phân định ngành luật

- 2.1 Đối tượng điều chỉnh
- 2.2 Phương pháp điều chỉnh

3. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

- 3.1 Sơ lược về hệ thống pháp luật Việt Nam
 - Giai đoạn 1945 đến 1954
 - Giai đoạn từ 1954 đến 1986
 - Giai đoạn từ 1986 đến nay.
- 3.2 Các ngành luật trong hệ thống pháp luật ở nước ta hiện nay

Bài 9: HIẾN PHÁP

Mục tiêu:

- Khái niệm luật hiến pháp.
- Lịch sử ra đời của hiến pháp thế giới và Việt Nam
- Một số nội dung cơ bản của hiến pháp

1. Khái niệm chung

1.1 Khái niệm

1.2 Khái luận sự ra đời và phát triển của hiến pháp thế giới

1.3 Khái lược về lịch sử hiến pháp Việt Nam

- Hiến pháp 1946
- Hiến pháp 1959
- Hiến pháp 1980
- Hiến pháp 1992
- Hiến pháp 2013

2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp Việt Nam 2013

2.1 Chế độ chính trị

2.2 Chế độ kinh tế

2.3 Văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ

1.3 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Bài 10: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Mục tiêu:

- Khái niệm về ngành luật Hôn nhân và gia đình
- Nguyên tắc cơ bản của luật Hôn nhân và gia đình
- Một số nội dung cơ bản của luật Hôn nhân và gia đình

Một số khái niệm

Nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình

Một số nội dung cơ bản của ngành luật Hôn nhân và gia đình

1.1 Kết hôn

1.2 Ly hôn

1.3 Tài sản của vợ chồng

1.4 Nghĩa vụ nuôi con

1.5 Vấn đề nhận con nuôi

Bài 11: LUẬT LAO ĐỘNG

Mục tiêu:

- Các khái niệm cơ bản
- Hợp đồng lao động, nội dung chủ yếu của một hợp đồng lao động.
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động.

Khái niệm

Đối tượng điều chỉnh của Luật lao động

Phương pháp điều chỉnh

- 3.1 Phương pháp thoả thuận
- 3.2 Phương pháp mệnh lệnh
- 3.3 Thông qua các hoạt động công đoàn, tác động vào các quan hệ phát sinh trong quá trình lao động

Nội dung quan hệ pháp luật lao động

- 4.1 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động
- 4.2 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động.

5. Hợp đồng lao động

- 5.1 Khái niệm
- 5.2 Phân loại hợp đồng lao động
 - Theo thời hạn:
 - + Hợp đồng lao động xác định thời gian
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời gian
 - Theo hình thức:
 - + Bằng văn bản
 - + Bằng miệng
- 5.3 Nội dung chủ yếu của một hợp đồng lao động
- 5.4 Những trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động
- 5.5 Thảo luận: Luật lao động quy định về việc trả lương như thế nào?
- 5.6 Thảo luận: Luật lao động quy định về kỷ luật lao động như thế nào?

8. Đề cương được biên soạn và cập nhật ngày: Tháng 1/2021

9. Đề cương được thẩm định và thông qua: Tháng 2/2021

P. TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Đình Nghĩa

Nguyễn Xuân Trình